

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 08 tháng 11 năm 2012

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường thủy  
nội địa tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI HÀ TĨNH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH **CÔNG VĂN ĐẾN**

Số: ..... 4193.....

Ngày 12 tháng 11 năm 2012

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/6/2006; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội;

Căn cứ Quyết định số 16/2000/QĐ-TTg ngày 03/02/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển GTVT đường sông đến năm 2020; Quyết định số 13/2008/QĐ-BGTVT ngày 06/8/2008 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển GTVT đường thủy nội địa Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 970/QĐ-BGTVT ngày 15/4/2009 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố đường thủy nội địa Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3082/QĐ-BKHCN ngày 31/12/2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành TCVN 5664-2009 “Phân cấp kỹ thuật đường thủy nội địa”;

Căn cứ Quyết định số 970/QĐ-BGTVT ngày 15/4/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc công bố đường thủy nội địa quốc gia;

Căn cứ các Quyết định số 2044/QĐ/UB-XD ngày 28/9/1999 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển GTVT Hà Tĩnh giai đoạn 1998-2010 và định hướng đến năm 2020, Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 11/4/2008 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển GTVT Hà Tĩnh đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3796/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán lập quy hoạch chi tiết phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Văn bản số 625/UBND-XD<sub>2</sub> ngày 10/3/2010 của UBND tỉnh về việc chủ trương lập quy hoạch chi tiết phát triển GTVT đường thủy nội địa;

Xét đề nghị của Sở Giao thông Vận tải tại Văn bản số 2746/BC-SGTVT ngày 29/10/2012 về báo cáo kết quả thẩm định Quy hoạch phát triển GTVT đường thủy nội địa tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030,

Số: 420/S  
Cục HT, Ban  
KAPTE do ủy  
bộ

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch phát triển GTVT đường thủy nội địa tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, với các nội dung sau:

### I/ Mục tiêu phát triển.

1. Về Vận tải: Đáp ứng nhu cầu vận tải ngày càng tăng về hàng hóa cũng như hành khách, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng trên địa bàn.

2. Về cơ sở hạ tầng.

- Đưa các tuyến sông vào đúng cấp kỹ thuật trên cơ sở nạo vét, chỉnh trị; tăng chiều dài các tuyến đường thủy nội địa được quản lý và khai thác.

- Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hệ thống cảng và bến thủy nội địa để phục vụ đầy đủ và kịp thời cho công tác vận tải.

3. Về công nghiệp sửa chữa và đóng mới phương tiện thủy.

Phát triển một số cơ sở sửa chữa và đóng mới phương tiện thủy tại 2 khu vực sông La và sông Nghèn, đảm bảo đóng mới và sửa chữa được các loại phương tiện có trọng tải từ 50-300 tấn.

### II/ Nội dung Quy hoạch.

#### 1. Luồng tuyến vận tải.

Trên cơ sở các tuyến thủy nội địa quốc gia trên địa bàn tỉnh đã được Bộ GTVT công bố, các tuyến thủy nội địa địa phương đang quản lý và nhu cầu phát triển, quy hoạch các tuyến đến năm 2020, như sau:

- 3 tuyến thủy nội địa quốc gia trên địa bàn đã được Bộ Giao thông Vận tải công bố (dài 88,50km)

+ Sông La (đoạn từ ngã ba Linh Cảm đến ngã ba Núi Thành) dài 13 km, là tuyến sông cấp III.

+ Sông Nghèn (từ cầu Nghèn đến Cửa Sót) dài 38,50km, là tuyến sông cấp III (tuyến pha sông biển).

+ Sông Rào Cái (đoạn từ ngã ba Sơn đến thị trấn Cẩm Xuyên) dài 37,00km là tuyến sông cấp IV.

- Phát triển 2 tuyến thủy nội địa quốc gia mới (dài 53km)

+ Sông Ngàn Sâu (đoạn từ ngã ba Linh Cảm đến ngã ba Cửa Rào) dài 27km, là tuyến sông cấp V.

+ Sông Gia Hội (đoạn từ thị trấn Cẩm Xuyên đến cửa Nhượng) dài 26km, là tuyến sông cấp V; sau khi nâng cấp sẽ nhập 2 tuyến Rào Cái và Gia Hội thành một tuyến.

- Các tuyến thủy nội địa địa phương (dài 214,50km)

+ Sông Ngàn Sâu (đoạn từ Cửa Rào - cầu Treo Gia Phố) dài 74km, là tuyến sông cấp VI.

+ Sông Ngàn Phố (đoạn từ Linh Cảm đến Nậm Chột) dài 79km, là tuyến sông cấp VI.

+ Sông Nghèn ((kênh Nhà Lê) đoạn cầu Nghèn – cống Trung Lương) dài 23 km, là tuyến sông cấp VI.

+ Sông Kinh (đoạn Kỳ Tiên - cửa Khẩu) dài 26km, là tuyến sông cấp VI.

+ Sông Cày (đoạn Hộ Độ - cầu Đông) dài 12,50km, là tuyến sông cấp VI.

(Chi tiết có phụ lục số 01 kèm theo)

## **2. Quy hoạch phát triển bến thủy nội địa.**

a/ Cảng đường thủy nội địa.

- Cảng Hộ Độ trên tuyến sông Nghèn thuộc địa bàn xã Thạch Bàn, huyện Thạch Hà đã được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt quy hoạch tại Quyết định số 13/2008/QĐ-BGTVT ngày 06/8/2008, với quy mô: Cở tàu 600T, công suất 1.000.000T/năm, số lượng 3 bến (65x15m).

- Giai đoạn 2020 - 2030: Xây dựng cảng Bến Giá trên sông La thuộc thị trấn Đức Thọ quy hoạch bến thủy nội địa cho cở tàu 300T, công suất 300.000T/năm, số lượng 2 bến (50x15m).

b/ Bến thủy nội địa.

Từ nay cho đến năm 2015, xoá bỏ các bến hàng hoá tự phát, các bến khách không phép hiện tại trên các tuyến sông mà không thuộc danh mục quy hoạch được duyệt, đồng thời đầu tư xây dựng hệ thống bến hàng hoá và bến khách theo quy hoạch, cụ thể như sau:

- Đầu tư xây dựng 20 bến hàng hoá gồm: Sông La: 3 bến, sông Nghèn: 5 bến, sông Rào Cái: 2 bến, sông Gia Hội: 1 bến, sông Ngàn Sâu: 5 bến, sông Ngàn Phố: 1 bến, kênh Nhà Lê: 2 bến và sông Cày: 1 bến. Trong đó, giai đoạn đến năm 2020 xây dựng 10 bến và giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2030 xây dựng 10 bến.

- Đầu tư xây dựng 12 bến đò khách (10 bến đò ngang và 2 bến đò dọc).

- Đầu tư xây dựng bến thủy nội địa phải đảm bảo các quy định sau đây:

+ Phù hợp với quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông khu vực.

+ Vị trí bến có địa hình, thủy văn ổn định, phương tiện ra vào an toàn.

+ Có đủ thiết bị neo buộc, đèn chiếu sáng ban đêm.

+ Có lắp đặt báo hiệu thủy nội địa theo quy định.

## **3. Quy hoạch phát triển cơ khí sửa chữa, đóng mới phương tiện thủy.**

+ Khu vực 1 gồm: Sông La, sông Ngàn Sâu và sông Ngàn Phố sử dụng cơ sở của Nhà máy đóng tàu Bến Thủy để sửa chữa đóng mới tàu vỏ sắt; tàu vỏ gỗ

sử dụng cơ sở sửa chữa đóng tàu tại xã Đức Tân, Đức Thọ (diện tích 3ha, đóng mới và sửa chữa các loại tàu 50 – 300 tấn).

+ Khu vực 2: Đầu tư xây dựng cơ sở tại khu vực cảng Hộ Độ mới và 01 cơ sở tại xã Thạch Long, huyện Thạch Hà, diện tích 5ha. Đóng mới và sửa chữa các loại tàu 50-300 tấn.

(Chi tiết có phụ lục số 02 kèm theo)

#### 4. Quy hoạch mạng lưới quản lý.

+ Đầu tư cải tạo nâng cấp 3 trạm quản lý đường sông hiện tại là: Trạm Linh Cẩm, trạm Nghèn, trạm Hộ Độ; đầu tư xây dựng mới 1 trạm quản lý đường sông tại Cửa Nhượng.

+ Phân cấp quản lý hành chính các tuyến sông cho UBND các địa phương.

#### 5. Định hướng đến năm 2030.

- Tổ chức tốt công tác quản lý duy tu, sửa chữa thường xuyên, đảm bảo giữ nguyên cấp kỹ thuật các tuyến sông theo quy hoạch được duyệt. Nghiên cứu đưa vào khai thác một số tuyến thủy nội địa trên các tuyến sông, hồ và đập khác trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống cảng và bến thủy nội địa.

6. Nhu cầu sử dụng đất. Tổng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kết cấu hạ tầng GTVT đường thủy nội địa là 14 ha.

7. Nhu cầu vốn và phân kỳ đầu tư.

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Hạng mục	Vốn đầu tư	Giai đoạn			Nguồn vốn
			2012 - 2015	2016-2020	2020-2030	
<b>I</b>	<b>Kết cấu hạ tầng</b>	<b>1.731.110</b>	<b>24.110</b>	<b>967.000</b>	<b>740.000</b>	
1	Luồng tuyến	183.000	20.000	163.000		NSNN và DN
2	Xây dựng cảng, bến TND	1.390.000		800.000	590.000	
	- Xây dựng cảng	630.000		420.000	210.000	NSNN và DN
	- Xây dựng bến hàng hoá	760.000		380.000	380.000	NSNN và DN
3	Âu thuyền công Trưng Lương	150.000			150.000	NSNN
4	Xây dựng bến đò khách	6.000	2.000	4.000		NSNN
5	Phao tiêu, đèn báo hiệu	2.110	2.110			NSNN
<b>II</b>	<b>Công nghiệp đóng mới, sửa chữa tàu sông.</b>	<b>85.000</b>		<b>85.000</b>		NSNN&DN
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.816.110</b>	<b>24.110</b>	<b>1.052.000</b>	<b>740.000</b>	

(Một nghìn, tám trăm mười sáu tỷ, một trăm mười triệu đồng)

Trong đó: - Ngân sách Trung ương và doanh nghiệp:

1.390,110 tỷ đồng.

- Ngân sách địa phương và doanh nghiệp:

426,000 tỷ đồng.

**Điều 2 . Tổ chức quản lý và thực hiện quy hoạch.**

1. Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh theo chức năng nhiệm vụ, quyền hạn được phân công có trách nhiệm phối hợp với Sở Giao thông Vận tải thực hiện các mục tiêu của Quy hoạch phát triển GTVT đường thủy nội địa, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành và của các địa phương.

**2. Quản lý quy hoạch.**

- Sở Giao thông Vận tải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về công bố và tổ chức quản lý quy hoạch; phối hợp với các sở, ngành và UBND các địa phương trong tỉnh tổ chức thực hiện đúng quy hoạch được duyệt; phân cấp quản lý mạng lưới thủy nội địa theo quy định của Luật Giao thông đường thủy nội địa.

- Việc đầu tư, nâng cấp, cải tạo xây dựng luồng tuyến thủy nội địa phải phù hợp với quy hoạch được duyệt và theo đúng các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng.

- Việc xây dựng các công trình vượt sông, công trình thủy lợi trên tuyến thủy nội địa như cầu đường bộ, cầu đường sắt, đường dây điện, cống ngăn nước... nhất thiết phải có ý kiến của Sở Giao thông Vận tải để đảm bảo phù hợp của kích thước các công trình với cấp kỹ thuật đường thủy nội địa theo quy hoạch.

3. Giao các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải và các đơn vị liên quan hàng năm đưa vào kế hoạch đầu tư để triển khai thực hiện có hiệu quả.

**Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ban hành;**

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu VT-GT.
- Gửi: Văn bản giấy và điện tử.

*EP*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Minh Kỳ

**PHỤ LỤC SỐ 01**  
 (Kèm theo Quyết định số 3357/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của UBND tỉnh)  
**Quy hoạch luồng tuyến thủy nội địa đến năm 2020**

Số TT	Tên tuyến	Chiều dài (Km)	Cấp kỹ thuật	Kích thước luồng (m)			Ghi chú
				Chiều rộng	Chiều sâu	Bán kính cong	
<b>1</b>	<b>Các tuyến đường thủy nội địa Quốc gia</b>	<b>88,50</b>					
1.1	Sông La (ngã ba Linh Cảm - ngã ba Núi Thành)	13,00	III	>40	>2,80	>350	
1.2	Sông Nghèn (cầu Nghèn - Cửa Sót)	38,50	III	>40	>2,80	>350	
1.3	Sông Rào Cái (Ngã ba Sơn - Thị trấn Cẩm Xuyên)	37,00	IV	>30	>2,30	>150	
<b>2</b>	<b>Đề xuất tuyến đường thủy nội địa Quốc gia mới</b>	<b>53,00</b>					
2.1	Sông Gia Hội (Thị trấn Cẩm Xuyên - Cửa Nhượng)	26,00	V	>20	>1,80	>100	
2.2	Sông Ngàn Sâu (đoạn Linh Cảm - Cửa Rào)	27,00	V	>20	>1,80	>100	
<b>3</b>	<b>Các tuyến đường thủy nội địa Địa phương</b>	<b>214,50</b>					
3.1	Kênh Nhà Lê (Cống Trung Lương - cầu Nghèn)	26,00	VI	>12	>1,00	>60	
3.2	Sông Ngàn Sâu (Cửa rào - cầu treo Gia Phố)	74,00	VI	>12	>1,00	>60	
3.3	Sông Ngàn Phố (Linh Cảm - Nậm Chột)	79,00	VI	>12	>1,00	>60	
3.4	Sông Kinh (kênh nhà Lê)	23,00	VI	>10	>1,00	>60	
3.5	Sông Cày (Hộ Độ - Cầu Đông)	12,50	VI	>12	>1,00	>60	
	<b>Cộng</b>	<b>356,50</b>					

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

**PHỤ LỤC SỐ 02**

(Kèm theo Quyết định số 3357/QĐ-UBND ngày 08/11/2012 của UBND tỉnh)

**Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa  
đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**



Số TT	Tên tuyến	Cỡ tàu lớn nhất (T)	Công suất 103T/n	Diện tích SDD (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Cảng đường thủy nội địa.</b>			<b>15.000</b>	
1	Cảng Hộ Độ (sông Nghèn)	600	1.000	10.000	65mx3bến
2	Cảng Bến Giá (Sông La)	300	300	5.000	50mx2bến
<b>II</b>	<b>Bến thủy nội địa</b>			<b>31.000</b>	
<b>1</b>	<b>Sông La</b>			<b>4.000</b>	
1	Bến Tam Soa – Tùng Ảnh	50	50	2.000	38mx1bến
2	Bến Bùi Xá (sông La)	50	50	1.000	38mx1bến
3	Bến Đức Vĩnh (sông La)	50	50	1.000	38mx1bến
<b>2</b>	<b>Sông Nghèn</b>			<b>6.000</b>	
1	Bến Nghèn (khu vực phía bắc Nghèn)	100	100	2.000	45mx1bến
2	Bến Thượng Trụ- Thiên Lộc.	100	100	1.000	38mx1bến
3	Bến cầu Trù – Phù Lưu.	50	50	1.000	38mx1bến
4	Bến Đò Diệm (Thạch Mỹ- Lộc Hà)	50	50	1.000	38mx1bến
5	Bến Đò Diệm (Thạch Sơn- Thạch Hà)	50	50	1.000	38mx1bến
<b>3</b>	<b>Sông Rào Cái</b>			<b>4.000</b>	
1	Bến thị trấn Cẩm Xuyên	200	100	2.000	45mx1bến
2	Bến hạ lưu cầu Phú (TP Hà Tĩnh)	200	100	2.000	45mx1bến
<b>4</b>	<b>Sông Gia Hội</b>			<b>2.000</b>	
1	Bến Cẩm Nhượng	50	100	2.000	38mx1bến
<b>5</b>	<b>Sông Ngân Sâu</b>			<b>8.000</b>	
1	Bến Lộc Yên (Lộc Yên – Hương Khê)	50	10	1.000	38mx1bến
2	Bến Địa Lợi (Hà Linh- Hương Khê)	50	10	1.000	38mx1bến
3	Bến Chợ Bộng	50	50	2.000	38mx1bến
4	Bến chợ Sơn Long – Hương Sơn	50	50	2.000	38mx1bến
5	Bến Gành Tàng (Đức Hoà - Đức Thọ)	50	50	2.000	38mx1bến
<b>6.</b>	<b>Sông Ngân Phố.</b>			<b>4.000</b>	

*(Handwritten signature)*

1	Bến Phố Châu (TT Phố Châu)	50	50	2.000	38mx1bến
2	Bến chợ Choi (Sơn Hà- Hương Sơn)	50	50	2.000	38mx1bến
7	<b>Kênh Nhà Lê (sông Nghèn đoạn cầu Nghèn – Trung Lương)</b>			2.000	
1	Bến Đức Thịnh (Đò Trai - Đức Thọ)	30	30	1.000	38mx1bến
2	Bến Thuận Lộc- Hồng Lĩnh	30	30	1.000	38mx1bến
8	<b>Bến Cày</b>	50	100	1.000	38mx1bến
III	<b>Âu thuyền</b>			2.000	
1	Xây dựng âu thuyền Trung Lương	50		2.000	L = 27, B = 6 H > 1,5
2	Quản lý bảo trì các âu thuyền có sẵn.				
IV	<b>Bến đò</b>			12.000	
1	Đò ngang	5		10.000	10 bến
2	Đò dọc (Hồ Trại Tiểu, đập Nhà Đường)	5		2.000	2 bến
V	<b>Cơ sở công nghiệp giao thông</b>			80.000	
1	Đóng mới, và SC tàu thuyền Đức Tân	300		30.000	
2	Đóng mới, và SC tàu thuyền Cửa Sót	600		50.000	(Trong khu vực cảng Hộ Độ mới)
	<b>Cộng</b>			<b>140.000</b>	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH